TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 89A /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17/11/2017
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thúy

2. Ông Phan Văn Tiến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy.

Ngày 17/11/2017, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2017/TLST – HNGĐ ngày 06/7/2017 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/QĐST- HNGĐ ngày 09/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2017/QĐST – HNGĐ ngày 24/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị C, sinh năm 1960

Địa chỉ: thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Ông Lê Đình T, sinh năm 1962

Địa chỉ: thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình

(Bà Mai Thị C có đơn xin xử vắng mặt, ông Lê Đình T vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là bà Mai Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân***:*** Bà và ông Lê Đình T, sinh năm 1962 ở thôn H, xã D, huyện T tự nguyện kết hôn vào ngày 13/2/1982. Kết hôn được 5 tháng thì ông T đi lao động xuất khẩu tại Liên Xô cũ, năm 1989 ông T về nước. Thời gian ông T đi lao động

tuy vợ chồng xa cách, ít tình cảm nhưng cuộc sống bình thường. Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh khi ông T về nước. Ông T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, nhiều lần ông T đánh đập bà. Tháng 3/2015 bà đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho bà ly hôn ông T nhưng sau đó ông T hứa sẽ sửa chữa nên bà đã đồng ý rút đơn ly hôn, tháng 6/2015 Tòa án đình chỉ vụ án. Khi quay về chung sống với được thời gian ngắn thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn đánh chửi, mâu thuẫn mỗi ngày một căng thẳng hơn. Bà xác định giữa bà và ông T tình cảm thực sự không còn, không thể cùng chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có hai con chung là Lê Đình Quyền, sinh ngày 12/10/1989 và Lê Đình Tuyên, sinh ngày 06/12/1982 hai con chung đều đã thành niên có gia đình riêng, khỏe mạnh bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung;

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà và ông Tuân không vay nợ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Toà án đã nhiều lần triệu tập ông Lê Đình T đến làm việc nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do, Tòa án không hòa giải được và không rõ ý kiến của ông T về vụ án.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đã phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà Mai Thị C ly hôn ông Lê Đình T; Về con chung: Các con chung đều đã thành niên nên không đặt ra việc chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Mai Thị C có đơn xin xử vắng mặt, Ông Lê Đình T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng bà Mai Thị C và ông Lê Đình T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị C và ông Lê Đình T kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1982. Tuy đã có thời gian dài chung sống với nhau nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung càng về sau càng có nhiều rạn nứt. Tháng 3/2015 bà Mai Thị C đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án này do bà C rút yêu cầu khởi kiện về đoàn tụ nhưng do mâu thuẫn

vẫn còn nên bà C lại tiếp tục khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn ông T, điều này phản ánh bà C và ông T không tìm được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau. UBND xã D, cơ sở thôn H đều xác nhận tình trạng vợ chồng bà C và ông T có mâu thuẫn kéo dài, nhiều lần địa phương hòa giải nhưng đều không có kết quả. Như vậy các chứng cứ thu thập đều phản ánh mâu thuẫn giữa bà C và ông Tuân đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị C về việc xin ly hôn ông Lê Đình T.

[3]. Về con chung: Bà Mai Thị C và ông Lê Đình T có hai con chung là Lê Đình Q, sinh ngày 12/10/1989 và Lê Đình T, sinh ngày 06/12/1982 hai con chung đều đã thành niên có gia đình riêng, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra việc giải quyết về chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4]. Về phần tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Mai Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 270; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho bà Mai Thị C ly hôn ông Lê Đình T;

2. Về con chung:

Bà Mai Thị C và ông Lê Đình T có hai con chung là Lê Đình Quyền, sinh ngày 12/10/1989 và Lê Đình Tuyên, sinh ngày 06/12/1982 hai con chung đều đã thành niên có gia đình riêng, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra việc giải quyết về chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Mai Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0001078 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Bà Mai Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là bà Mai Thị C, bị đơn là ông Lê Đình T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- VKSND huyện Thái Thuỵ;
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan